

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ – HÀNH
CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN VĂN VINH

**ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA LÃNH ĐẠO
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
TỪ 1986 ĐẾN 2005**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 62 22 56 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội, 2010

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: GS, TS. Trịnh Nhu

Phản biện 1: PGS. TS. Vũ Quang Hiến

Phản biện 2: PGS. TS. Trần Bá Đệ

Phản biện 3: PGS. TS. Đoàn Ngọc Hải

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2010

**Có thể tìm hiểu Luận án tại: Thư viện Quốc gia
Và thư viện Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh**

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thành Vinh (2007) *Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (1996 – 2003)*, Lịch sử Đảng, (5), tr.49-52
2. Nguyễn Thành Vinh (2007) *Đảng bộ Thanh Hoá lãnh đạo phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*, Khoa giáo, (5), tr.35-37.
3. Nguyễn Thành Vinh (2007), *Kinh nghiệm của Thanh Hoá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, Lao động và Công đoàn:, (5), tr. 38-39.
4. Nguyễn Thành Vinh (2007) *Bài học phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá*, Mặt trận, (7), tr. 40- 43.
5. Nguyễn Thành Vinh (2007), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Thanh Hoá*. Lý luận Chính trị, (8), tr.59- 63.
6. Nguyễn Thành Vinh (2008), *Đảng bộ Thanh Hoá lãnh đạo phát triển doanh nghiệp phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản, ngày14/2.
7. Nguyễn Thành Vinh (2008), *Phát huy sức mạnh dân chủ cơ sở trong lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*, Cộng sản Điện tử (9)
8. Nguyễn Thành Vinh (2008), *Phát huy dân chủ trong lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử ngày 12/9.
9. Nguyễn Thành Vinh (2009), *Kinh nghiệm của Đảng bộ Thanh Hóa về lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp những năm đầu đổi mới*, Lịch sử Đảng, (8), tr. 49-5

MỞ ĐẦU

1- Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đổi mới đất nước, lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế (chuyển dịch CCKT) là một trong những nhiệm vụ quan trọng luôn được Đảng ta quan tâm. Bởi vì, một nền kinh tế có cơ cấu hợp lý mới có thể phát triển ổn định và có giá trị kinh tế cao. Trong thực tiễn, chuyển dịch CCKT không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn góp phần điều hoà nguồn lực, phát huy lợi thế giữa các lĩnh vực, các vùng miền, đồng thời là quá trình để các ngành, các thành phần kinh tế địa phương và các vùng lãnh thổ tự xem xét, điều chỉnh cơ cấu sản xuất phù hợp và hiệu quả hơn ở từng giai đoạn cụ thể.

Nước ta là một nước nông nghiệp, trong lịch sử và nhiều năm tới, nông nghiệp vẫn giữ vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Do đó, Chuyển dịch CCKT nông nghiệp, hướng tới một nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển toàn diện và bền vững luôn có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Từ năm 1986, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh của một tỉnh có đầy đủ các vùng sinh thái, từng bước chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) và đã thu được những thành tựu quan trọng. Kinh tế nông nghiệp phát triển, tạo thế ổn định, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội (KT-XH) trong tỉnh phát triển; đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của cư dân nông thôn được cải thiện rõ rệt; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đảng bộ đã khẳng định vai trò lãnh đạo trên mặt trận kinh tế, gắn chặt phát triển kinh tế với công tác xây dựng Đảng.

Việc nghiên cứu những chủ trương, chính sách lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, nhằm tái hiện bức tranh kinh tế trong quá trình đổi mới ở địa phương là góp phần đánh giá khách quan, khoa học công tác lãnh đạo của Đảng trên mặt trận kinh tế. Thông qua đó, giúp cấp uỷ có thêm luận cứ khoa học trong tổng kết thực tiễn và hoạch định chủ trương, chính sách chuyển dịch CCKT nông nghiệp tiếp theo.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài **Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp từ 1986 đến 2005** để nghiên cứu và viết luận án tiến sĩ lịch sử của mình.

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài

Nhằm làm sáng rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng về *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* từ 1986 đến 2005; khắc hoạ các bước phát triển trong *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* của tỉnh Thanh Hóa qua hai giai đoạn: i) Giai đoạn 10 năm đầu đổi mới (1986 -1995); ii) Giai đoạn đẩy

mạnh CNH, HĐH đất nước (1996-2005). Qua đó, đúc kết một số kinh nghiệm lịch sử và gợi mở những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu; giúp thêm tư liệu tham khảo cho Đảng bộ trong quá trình hình thành các chủ trương, chính sách và giải pháp lãnh đạo *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* có hiệu quả hơn ở các giai đoạn tiếp theo.

3. Nhiệm vụ, đối tượng và giới hạn nghiên cứu

3.1. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Sưu tầm, xử lý và đánh giá tổng quan các tài liệu có liên quan đến sự lãnh đạo *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* của Đảng ta nói chung và của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá nói riêng.

- Hệ thống hóa các nguồn tư liệu theo hai giai đoạn gắn liền với hoàn cảnh lịch sử của mỗi giai đoạn.

- Phân tích, đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* và hiệu quả thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo ấy.

- Bước đầu đưa ra một số nhận xét và đúc kết những kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* của Đảng tại địa phương.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

- Những chủ trương, chính sách và biện pháp của Đảng bộ Thanh Hóa trong quá trình lãnh đạo *chuyển dịch CCKT nông nghiệp*.

- Quá trình chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Đảng bộ lãnh đạo *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* ở Thanh Hóa qua hai giai đoạn lịch sử nêu trên.

- Những kết quả đạt được và kinh nghiệm hữu ích từ thực tiễn lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Giới hạn nghiên cứu của luận án:

- Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* trong thời kỳ từ 1986-2005; những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ trong *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* ở địa phương bao gồm những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi nghiên cứu chỉ tập trung cơ bản vào ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, nông nghiệp là một ngành gắn chặt với nông thôn, lại là một bộ phận hợp thành trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, nên trong quá trình nghiên cứu và khi thể hiện trên luận án, sẽ có những điểm mở rộng cần thiết với một số ngành kinh tế khác, đặc biệt là kinh tế nông thôn, nhằm làm sáng tỏ hơn chủ đề của luận án. Đồng thời, có đề cập nghiên cứu thêm một số tỉnh trong khu vực và ở chừng mực nhất định liên hệ với cả nước để có thêm số liệu so sánh với Thanh Hóa.

- Luận án lấy mốc thời gian từ 1986-2005, tức là từ Đại hội lần thứ VI của Đảng, bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (tương ứng về thời

gian là Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá) đến năm 2005 là thời điểm Đảng *tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới*, tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ X của Đảng.

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Nguồn tư liệu của Luận án:

- Các tác phẩm kinh điển của C. Mác - Ph. Ăng ghen, V.I. Lê nin và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; Văn kiện của Đảng và Nhà nước về lãnh đạo *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* trong thời kỳ đổi mới; Văn kiện của các cấp uỷ và chính quyền địa phương tỉnh Thanh Hoá liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp từ 1986-2005; các tác phẩm, công trình nghiên cứu, khoa học được xuất bản, công bố trên các tạp chí chuyên ngành; các luận án Tiến sĩ và luận văn Thạc sĩ về Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế nói chung và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng...

- Nguồn tài liệu thực tế của các cấp, các ngành trong tỉnh về phát triển nông nghiệp: báo cáo hàng năm, Niên giám thống kê; các đề án; quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Thanh Hoá; quy hoạch vùng và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh; cùng với các tài liệu, biên bản hội nghị, hội thảo... được lưu trữ ở Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Cục thống kê, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hoá có liên quan đến đề tài.

- Các dữ kiện, số liệu thu thập qua điều tra thực tế của tác giả luận án.

Phương pháp nghiên cứu:

Dựa trên những quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp lịch sử* kết hợp với *phương pháp logic* để tái hiện một cách chân thực và khoa học quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ Thanh Hoá trong 20 năm đổi mới (1986-2005).

- *Phương pháp phân tích, so sánh, thống kê, điều tra thực địa* để đánh giá kết quả *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* của tỉnh Thanh Hoá qua từng giai đoạn, nhằm thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước và nhất là lãnh đạo phát triển kinh tế ở địa phương.

5. Đóng góp khoa học của luận án

- Tái hiện 20 năm (1986-2005) đổi mới của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lãnh đạo chuyển dịch CCKT trên lĩnh vực nông nghiệp. Góp phần khẳng định tính khoa học và sáng tạo trong đường lối đổi mới của Đảng.

- Hệ thống những kết quả đạt được và đúc kết những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ Thanh Hóa, góp thêm nguồn tư liệu tham khảo cho Đảng bộ.

- Tổng hợp những định hướng cơ bản của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp tiếp theo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu lịch sử, nguồn tư liệu phong phú, với nhiều luận cứ khoa học, phân tích, lý giải kết quả lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của một Đảng bộ địa phương có nhiều tiềm năng, nhưng cũng không ít những khó khăn, thách thức.

- Luận án góp phần đúc kết những kinh nghiệm lịch sử, giúp Đảng bộ và các cấp uỷ, các ngành kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp trong tỉnh có thêm nguồn tài liệu tham khảo trong quá trình tổng kết thực tiễn và xây dựng chủ trương, chính sách, biện pháp chuyển dịch CCKT nông nghiệp tiếp theo.

- Luận án là nguồn tài liệu tốt, tin cậy phục vụ công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh; lịch sử Đảng bộ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, sẽ là tài liệu tham khảo của học viên và các nghiên cứu sinh sau này.

7. Bố cục của luận án.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm có 4 chương, 12 tiết.

Chương I

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Cho đến nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau về nội dung chuyển dịch CCKT nói chung và chuyển dịch CCKT nông nghiệp nói riêng.

1.1. NHÓM ĐỀ TÀI KHOA HỌC, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, hàng loạt những đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ được các cơ quan chức năng nghiên cứu: đề tài cấp Nhà nước về "*Chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn*" do Ban Kinh tế Trung ương thực hiện năm 1994; đề tài cấp bộ về "*Những phương hướng và biện pháp chủ yếu để chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn*" do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện trong hai năm 1994-1995; đề tài cấp bộ "*Nghiên cứu quá trình hình thành của một số chính sách đổi mới đột phá trong nông nghiệp, nông thôn*" do Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn (Bộ Nông nghiệp) thực hiện năm 2005-2006; đề án "*Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến năm 2010 và tầm nhìn 2020*" do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện năm 2005...

Ở tỉnh Thanh Hoá, thực hiện công văn số 17 - CV/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, giao nhiệm vụ tổng kết chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH, ngày 25/7/2003 Ban thường vụ Tỉnh uỷ Thanh Hoá đã có kế hoạch số 23 KH/TU về việc “*Khảo sát, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn vấn đề chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH ở tỉnh Thanh Hoá*”. Theo đó, 100% các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã chỉ đạo chặt chẽ việc tổng kết ở cấp xã, phường, nhằm có đủ cơ sở thực tiễn đánh giá *chuyển dịch CCKT* trong tỉnh. Tháng 10-2004 Tỉnh uỷ Thanh Hoá đã tổ chức một hội thảo khoa học “*Thực tiễn chuyển dịch CCKT trong thời kỳ đổi mới*”. Tại Hội thảo, đã có nhiều tham luận hướng vào các nội dung liên quan đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp, như: “*Thực trạng chuyển dịch CCKT nông, lâm nghiệp 1986-2003*”; “*Phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu và tạo động lực thúc đẩy quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn ở Thanh Hoá*”; “*Thực trạng và những giải pháp cơ bản chuyển dịch cơ cấu ngành thuỷ sản Thanh Hóa*”; “*Vai trò và giải pháp phát triển thương mại, dịch vụ trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Thanh Hoá*”; “*Chuyển dịch CCKT ở miền núi Thanh Hóa*”... Một số báo cáo của lãnh đạo các huyện có thành tích nổi bật trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp như: Ngọc Lặc, Yên Định, Thọ Xuân, Nông Cống, thành phố Thanh Hoá, Quảng Xương, Nga Sơn và Hoàng Hoá, tập trung nêu bật: *Kinh nghiệm lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp cấp huyện*; một số báo cáo về *kết quả đạt được trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp ở các huyện miền núi*... cũng rất được quan tâm.

Các đề tài nghiên cứu đã góp phần đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ, đề ra phương hướng và đề xuất các biện pháp chủ yếu thúc đẩy nhanh hơn chuyển dịch CCKT nông nghiệp trong tỉnh và trong từng địa bàn theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường.

1.2. NHÓM LUẬN VĂN, LUẬN ÁN

Một số đề tài luận văn, luận án thuộc các chuyên ngành: Lịch sử Đảng, Kinh tế, Triết học liên quan đến vấn đề nông nghiệp như: luận văn thạc sĩ lịch sử của Nguyễn Thị Thanh Bình (2001), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển nông nghiệp 1986-1996*; Phạm Văn Bình (1998), *Đảng bộ Vĩnh Long lãnh đạo kinh tế nông nghiệp và nông thôn trong 10 năm đổi mới (1986-1996)*; Nguyễn Hồng Thái (1998), *Đảng bộ tỉnh Hà Tây thực hiện đường lối đổi mới CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn*; Đặng Thị Kim Oanh (2005), *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lãnh đạo chuyển dịch CCKT từ năm 1997 đến năm 2003*... Luận án tiến sĩ lịch sử của Nguyễn Đức Thìn (1999), *Đảng bộ Hà Bắc lãnh đạo thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp thời kỳ 1986-1996*; Tạ Văn Thới (2000), *Quá trình thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng bộ Ninh Bình (1981-*

1995); Luận án tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Tiến Thuận (2000), *Đặc điểm và giải pháp chuyển dịch CCKT nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*; Luận án tiến sĩ triết học của Đỗ Thị Thanh Mai (2001), *Tâm lý nông dân miền Bắc Việt Nam khi chuyển sang kinh tế thị trường - Đặc trưng và xu hướng biến đổi...*

Các luận văn, luận án là những công trình nghiên cứu khoa học công phu, là tài liệu tham khảo hữu ích, giúp tác giả không chỉ có thêm nguồn tư liệu để đối chiếu, so sánh mà còn học hỏi được phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận vấn đề trong khi trình bày luận án.

1.3. NHÓM SÁCH BÁO VÀ CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Trong thời kỳ đổi mới, đã có nhiều công trình được công bố thành sách và đăng tải trên các báo, tạp chí có liên quan chung đến đề tài. Ngoài các tác phẩm về lý luận, định hướng phát triển kinh tế còn có các công trình nghiên cứu trực tiếp đến nông nghiệp và chuyển dịch CCKT nông nghiệp:

- Nhóm sách về lịch sử phát triển nông nghiệp, nông thôn, như cuốn "*Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - 20 năm đổi mới và phát triển*" của TS. Đặng Kim Sơn; "*Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại*" của PGS.TS Nguyễn Văn Bích; các cuốn: "*Nông nghiệp Việt Nam từ cội nguồn đến đổi mới*"; "*Nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*" của Bùi Huy Đáp và Nguyễn Điền; "*Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta*"; "*Nông nghiệp Việt Nam 1945-1995*" của PGS. Nguyễn Sinh Cúc, v.v...

- Nhóm sách và công trình nghiên cứu về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn như: cuốn sách "*Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*" của tập thể tác giả các nhà khoa học do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biên soạn; cuốn "*Một số kinh nghiệm điển hình về phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng CNH, HĐH*" của Lưu Văn Sùng; cuốn "*CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Bắc Trung bộ (qua khảo sát các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh)*" của TS. Mai Thị Thanh Xuân...

- Các sách về Thanh Hoá như: *Thanh Hoá - thiên nhiên, xã hội, con người*, tập I; *Địa chí Thanh Hoá*, tập I: phần địa lý và lịch sử; tập II: phần văn hoá xã hội do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá ấn hành; các cuốn: "*Lịch sử Đảng bộ Thanh Hoá*", tập I; "*Bác Hồ với Thanh Hoá, Thanh Hoá làm theo lời Bác*", "*Lịch sử Đảng bộ Thanh Hoá 1930 -2004 (khái quát)*" do Tỉnh uỷ Thanh Hóa phát hành; cuốn "*Thực tiễn lãnh đạo chuyển dịch CCKT ở Hoằng Hoá (Thanh Hoá) 1991-2001*", của TS. Nguyễn Dũng Sinh và Nguyễn Văn Phong chủ biên v.v...

Ngoài ra, tác giả luận án còn tìm hiểu, tập hợp nhiều công trình của nhiều tác giả công bố trên các tạp chí chuyên ngành bàn về chuyển dịch

CCKT nông nghiệp, những thành công và hạn chế, những bài học kinh nghiệm, phương hướng chuyển dịch CCKT nông nghiệp các Đảng bộ địa phương trong cả nước ở các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Các sách và công trình nghiên cứu là cơ sở quan trọng để tác giả luận án kế thừa, tiếp cận tư liệu và sự kiện lịch sử, đồng thời học hỏi phương pháp nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài.

Tuy nhiên, trong các công trình đã được công bố nêu trên, hầu hết đều tập trung nghiên cứu về phát triển kinh tế nông nghiệp nói chung và thường là nghiên cứu trên phạm vi cả nước, hoặc trên một vùng kinh tế - lãnh thổ trọng điểm có nhiều điều kiện thuận lợi và có điểm xuất phát cao. Ở riêng lẻ từng tỉnh, hoặc ở vùng kinh tế - lãnh thổ còn khó khăn, hầu như chưa có các công trình tập trung nghiên cứu, nhất là về chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

Các hoạt động nghiên cứu *chuyển dịch CCKT nông nghiệp* ở Thanh Hoá cũng mới trong khuôn khổ các hội nghị, hội thảo, mà chưa có công trình nào nghiên cứu tổng kết toàn diện về công tác lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ, nhất là dưới góc độ lịch sử Đảng.

Đến nay, cũng chưa có công trình nghiên cứu nào ở các địa phương khác thuộc mã số Lịch sử Đảng được công bố trùng với nội dung nghiên cứu của luận án.

Vì vậy, đề tài *Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lãnh đạo Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ 1986 đến 2005* thuộc mã số Lịch sử Đảng là một đề tài mới. Người hướng dẫn và tác giả luận án lựa chọn đề tài vừa đảm bảo tính mới, vừa mang tính lịch sử và tính khoa học trong quá trình nghiên cứu.

Chương 2

ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HOÁ LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRONG 10 NĂM ĐẦU SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI (1986-1995)

2.1. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và KT-XH tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là một tỉnh đất rộng, người đông, tài nguyên, thiên nhiên phong phú và đa dạng; có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời - một vùng “địa linh nhân kiệt”, một địa bàn chiến lược quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xưa - nay của cả nước.

Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 1.116.833 ha (11.168 km²), bằng 3,37 % diện tích tự nhiên cả nước. Có đủ các vùng sinh thái, mỗi vùng lại có thể mạnh phát triển khác nhau và có tiềm năng liên kết để phát triển

một nền kinh tế toàn diện. Về mặt tự nhiên, Thanh Hóa được coi như “hình ảnh của một nước Việt Nam thu nhỏ”, phong phú và đa dạng.

Từ điều kiện tự nhiên, Thanh Hoá đã hình thành rõ nét các vùng nông nghiệp, bao gồm: *Vùng đồng bằng, ven biển* có đầy đủ tính chất của một đồng bằng châu thổ, có ưu thế trong việc sản xuất các loại cây lương thực, cây công nghiệp, cây thực phẩm ngắn ngày, trong phát triển thủy sản và chăn nuôi, nhằm khai thác lợi thế về thời tiết và lao động; *Vùng trung du, miền núi*, là vùng có nhiều lợi thế cho phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm như mía, đậu tương, dưa, chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa, gia cầm theo hướng kinh tế trang trại. Ngoài ra, còn có các cây cao su, cà phê, chè... và rất thuận lợi cho phát triển nghề rừng.

Tuy nhiên, cần có sự bố trí, quy hoạch và sắp xếp lại sản xuất, mới tạo ra khả năng khai thác có hiệu quả thế mạnh của mỗi vùng.

Điều kiện KT-XH tỉnh Thanh Hóa

- *Cơ cấu dân cư và lao động*: Thanh Hoá là tỉnh có số đông lao động nông nghiệp và nhân khẩu sống ở nông thôn. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp. Tuy nhiên, cơ cấu lao động giữa nông thôn và thành thị chuyển đổi chậm, thị trường lao động chưa phát triển, chất lượng lao động thấp, lao động kỹ thuật ra bên ngoài có xu hướng tăng là những hạn chế đáng kể trong phát triển nông nghiệp của tỉnh.

- Công tác kỹ thuật, trước hết là giống đã có những bước đột phá. Sản xuất giống bố mẹ lúa lai F1, giống lúa siêu nguyên chủng, giống ngô lai, giống lợn hậu bị ngoại, giống vịt, gà công nghiệp đã góp phần tạo ra những bộ giống mới hoàn chỉnh, có năng suất và chất lượng cao. Các nhà máy chế biến đường, tinh bột sắn, tinh bột ngô, dưa cô đặc, súc sản, hải sản đông lạnh xuất khẩu... được đầu tư xây dựng là thuận lợi lớn để phát triển các vùng cây, con nguyên liệu, tạo điều kiện chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

- *Về lịch sử*: Thanh Hóa là một trong những cái nôi đầu tiên của loài người, có truyền thống phát triển lâu đời và liên tục. Cuộc sống lao động, sản xuất và quá trình đấu tranh đầy gian khó đã tôi luyện con người xứ Thanh với bản lĩnh kiên cường, dũng cảm, bất khuất trước mọi thử thách của thiên nhiên, địch họa, tạo nên những kinh nghiệm và đức tính quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Với tiềm năng đó, Thanh Hóa có đầy đủ điều kiện để phát triển đa dạng và toàn diện nền nông nghiệp, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhận định: “Tỉnh Thanh Hóa theo tôi, muốn trở thành một tỉnh kiểu mẫu nhất định được, vì người đông, đất rộng, của nhiều, chỉ còn thiếu sự *điều khiển và sắp đặt*, có ruộng phải cày cho có lúa, có người nhưng phải phân phối thế nào”.

2.1.2. Đường lối đổi mới của Đảng - cơ sở quan trọng tạo nên sự chuyển biến mới trong chủ trương của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lãnh đạo chuyển dịch cơ CCKT nông nghiệp

2.1.2.1. Cơ sở lý luận về chuyển dịch CCKT nông nghiệp

a. Khái niệm cơ bản:

Trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế của Việt Nam, đã xuất hiện các khái niệm về *cơ cấu, cơ cấu kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, chuyển dịch CCKT, chuyển dịch CCKT ngành*, v.v... Trong đó, khái niệm *chuyển dịch CCKT* nông nghiệp luôn được các nhà khoa học và các nhà kinh tế quan tâm. Chủ trương của Đảng ta về chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH đã thể hiện rõ nội hàm khái niệm đó: “Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH là quá trình chuyển biến từ nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu phân tán sang nền nông nghiệp sản xuất lớn với trình độ chuyên canh và thâm canh cao, tiến hành sản xuất và quản lý sản xuất, kinh doanh với trình độ trang bị công nghiệp và công nghệ tiên tiến, áp dụng rộng rãi thủy lợi hoá, cơ khí hoá, hoá học hoá, điện khí hoá, sinh học hoá cao hơn và bước đầu áp dụng cả tự động hoá, tin học hoá...”.

b. Một số cơ sở lý luận

Trải qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định ý nghĩa to lớn của nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Trong giai đoạn đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo cũng lấy nông thôn làm địa bàn trọng điểm, lấy nông nghiệp làm khâu đột phá. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa IV), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI); Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VII); Hội nghị Trung ương 5, 6 và Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX)... đã thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Đảng ta luôn luôn coi trọng phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là “*mặt trận hàng đầu*”, là cơ sở để phát triển công nghiệp và các ngành khác, góp phần tạo ra sự phát triển rất quan trọng trong nền KT-XH của đất nước.

Những quan điểm của Đảng ta phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp. Trong đó, chuyển dịch CCKT được coi là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất thúc đẩy nền kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả ngày càng cao.

2.1.2.2. Đường lối đổi mới và chủ trương của Đảng về chuyển dịch CCKT nông nghiệp

Từ chân tường của cuộc khủng hoảng KT-XH, Đại hội VI (1986) của Đảng đã làm rõ một số vấn đề trong *tư tưởng chỉ đạo chiến lược* về định hướng CNXH nói chung và lãnh đạo kinh tế nói riêng. Trong đó, việc xác định đúng đắn CCKT, cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, là yêu cầu quan

trọng đầu tiên của đường lối kinh tế, có ý nghĩa quyết định đối với các mục tiêu KT-XH, nhằm đưa nền kinh tế nước ta vượt qua tình trạng khó khăn gay gắt, đi dần vào thế ổn định và phát triển thuận lợi.

Đối với nông nghiệp, Đảng ta đã chỉ rõ: phải kết hợp nông nghiệp và công nghiệp thành một cơ cấu thống nhất, *cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa lúa và màu, giữa cây lương thực và cây công nghiệp*. Quan điểm của Đảng là đặt sự phát triển nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại với một cơ cấu hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, trong đó thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, gắn sản xuất với thị trường; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHKT và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp... Đây là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu trong quá trình CNH, HĐH đất nước.

2.1.2.3. Một số kinh nghiệm thu được của Đảng bộ Thanh Hóa trong lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp những năm trước đổi mới (1975-1985)

Trong giai đoạn này, những chủ chương của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa bước đầu làm thay đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh..., tăng sản lượng lương thực, sản lượng hàng hoá nông nghiệp.

Mặc dù còn nhiều yếu kém, bất cập của nền kinh tế sau chiến tranh nhưng những thành công và hạn chế trong giai đoạn này là những kinh nghiệm quan trọng giúp Đảng bộ Thanh Hóa tiếp tục hình thành chủ trương mới phù hợp, hiệu quả hơn trong thời kỳ đổi mới.

2.2. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ 1986 ĐẾN 1995

2.2.1. Thực trạng CCKT nông nghiệp và những chủ trương quán triệt bất kịp đường lối đổi mới của Đảng

2.2.1.1. Thực trạng CCKT nông nghiệp khi bước vào đổi mới.

Xuất phát từ một nền kinh tế mất cân đối trong chiến tranh, sản xuất nông nghiệp lạc hậu, dân số tăng nhanh, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa cũng trong tình trạng *mất cân đối*, không phù hợp với tiềm năng thế mạnh của tỉnh và của mỗi vùng sinh thái. Sản xuất thuần nông, quảng canh và độc canh cây lúa nước là chính; chăn nuôi, thủy sản và nghề rừng đều kém phát triển. Nền nông nghiệp mang rõ tính chất tự cung, tự cấp, tự túc, dựa vào tự nhiên, không phát huy được tiềm năng và thế mạnh của mỗi vùng. Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp và không ổn định, khiến cho Thanh Hóa luôn là tỉnh nghèo và thiếu lương thực trầm trọng.

2.2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư trong nông nghiệp theo hướng đổi mới của Đảng

Từ Đại hội Đảng bộ lần thứ XII (tháng 10-1986), với tinh thần “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá đã nhanh chóng quán triệt, vận dụng các nghị quyết của Đảng, phân tích sâu sắc những thành tựu và những hạn chế, khuyết điểm, sai lầm trong bố trí CCKT trước đây, đồng thời đặt ra yêu cầu cần phải đổi mới CCKT nông nghiệp, coi đây là *một trong những biện pháp quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phân công lại lao động*. Trong nông nghiệp phải đạt được *một cơ cấu hợp lý cả về mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi và chuyển dịch trong từng vùng sản xuất*.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XIII (9-1991) và các kỳ họp thường kỳ, cũng như các kỳ họp chuyên đề về phát triển kinh tế nông nghiệp của Tỉnh ủy Thanh Hóa đã vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, kịp thời đề ra nhiều chủ trương và giải pháp thực hiện chuyển dịch CCKT nông nghiệp, cùng với điểm đột phá quan trọng nhất trong *khoán hộ*, chủ trương *bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư*, tập trung giải quyết nhanh *vấn đề lương thực, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh...* đã tạo ra bước tiến bộ mới trong phát triển nông nghiệp theo hướng đổi mới toàn diện.

Có thể nói, đây là tập hợp những quan điểm mới của Đảng được vận dụng tích cực vào địa phương. Nhờ đó, nhiều đơn vị sản xuất trên địa bàn đã triển khai chuyển đổi CCKT, đổi mới cơ chế quản lý và đã thu được nhiều thành tựu, thúc đẩy tiềm năng đất đai, mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Xác định các biện pháp chỉ đạo thực hiện chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng đổi mới

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và các chủ trương của Đảng bộ đề ra, HĐND và UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo chặt chẽ các cấp uỷ và chính quyền; các tổ chức xã hội trong tỉnh thực hiện chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng đổi mới toàn diện nền kinh tế nông nghiệp.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy định việc sử dụng đất của các hộ nông dân; thay đổi cơ cấu giống, mùa vụ; tổ chức và sắp xếp lại ngành chăn nuôi và ngành thuỷ sản; phát triển lâm nghiệp xã hội... đã tạo điều kiện cho nông dân chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Nhờ đó, đất đai canh tác giao cho hộ quản lý sử dụng được khai thác có hiệu quả, kinh tế nông hộ từng bước đi vào phát triển ổn định.

2.3. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP MƯỜI NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI (1986-1995)

2.3.1. Những chủ trương của Đảng bộ nhanh chóng đi vào cuộc sống, CCKT nông nghiệp được thay đổi căn bản

Sau 10 năm đổi mới, CCKT nông nghiệp thay đổi đáng kể, tỷ trọng ngư nghiệp, lâm nghiệp ngày tăng, gắn với việc khai thác tiềm năng kinh tế biển và trung du miền núi. Các loại cây, con có năng suất và hiệu quả thấp được thay thế dần bằng việc nuôi trồng các loại cây, con có hiệu quả kinh tế cao hơn. Một số vùng cây công nghiệp, cây đặc sản, vùng nuôi trồng thủy sản... gắn liền với công nghiệp chế biến, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu được hình thành, giá trị trên một đơn vị diện tích ngày càng lớn hơn.

Bước đột phá đầu tiên trong nông nghiệp thời kỳ này là việc triển khai thực hiện "khoán hộ" và điều chỉnh dần quan hệ sử dụng tư liệu sản xuất, phân bổ và giao quyền sử dụng lâu dài về đất đai cho hộ nông dân, tạo thuận lợi cho nông dân phát huy năng lực, tinh thần làm việc và tính chủ động trên diện tích đất đai được giao.

2.3.2. Một số kết quả cụ thể chuyển dịch CCKT nông nghiệp trong 10 năm đầu đổi mới

Về trồng trọt: Lúa là cây lương thực được quan tâm hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp ở Thanh Hoá, tăng cả diện tích và sản lượng, năm 1986 diện tích lúa là 246.672 ha, năm 1995 đạt 250.449 ha, năng suất từ 28,16 tạ/ha năm 1986 tăng lên 33,9 tạ/ha năm 1995; Diện tích màu do khai hoang và chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cũng được tăng lên hàng năm: năm 1986: 70.094 ha, năm 1995 là 79.641 ha. Sản lượng màu quy thóc năm 1990 là 135.765 tấn và năm 1995 là 155.042 tấn.

Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và đặc sản, do có những chính sách khuyến khích, kết hợp với phòng chống dịch bệnh và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có hiệu quả nên tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về sức kéo và nguồn thực phẩm phục vụ đời sống.

Lâm nghiệp được quan tâm đúng mức. Đến năm 1995, diện tích trồng mới tập trung tăng gấp 3 lần so với năm 1991 (12.750ha/4.860ha); trồng phân tán tăng gần 2 lần (15.000ha/8.500ha).

Trong giai đoạn này, cơ cấu trong ngành nông nghiệp tuy không có sự chuyển biến lớn về tỷ trọng giữa trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ, nhưng tất cả các ngành đều tăng về năng suất và giá trị sản xuất. Nền kinh tế nông nghiệp đạt được kết quả quan trọng. Năm 1995 đạt ngưỡng 1 triệu tấn lương thực, vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII là 5,7%. Lần đầu tiên trong lịch sử, Thanh Hóa có gạo xuất khẩu, năm 1993 xuất 3.300 tấn, 1994 xuất 2.400 tấn; chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tăng trưởng nhanh, góp phần quan trọng trong phát triển nông nghiệp.

Trong 10 năm đầu đổi mới (1986-1995), Thanh Hoá đã "hoàn thành cơ bản các mục tiêu kinh tế Đại hội lần thứ XII và XIII đề ra, nền kinh tế

từng bước đi vào thế ổn định. CCKT được chuyển dịch đúng hướng, khai thác được một phần các nguồn lực về lao động, đất đai, điều kiện tự nhiên gắn với sản xuất và yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước”.

Tuy nhiên, đây mới là thời kỳ chuẩn bị các quá trình đổi mới KT-XH và là giai đoạn còn đan xen giữa cơ chế cũ quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế mới sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường định hướng XHCN. Những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Song, đó là những kinh nghiệm quý báu cả về lý luận và thực tiễn, giúp cho Đảng bộ và các cấp uỷ Đảng hình thành chủ trương mới trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG ĐẨY MẠNH CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC (1996-2005)

3.1. NHỮNG YÊU CẦU MỚI TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG ĐẨY MẠNH CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC

3.1.1. Những chủ trương mới của Đảng

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1986) quyết định đưa nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ *đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*, trọng tâm hàng đầu là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Đại hội VIII đề ra nhiệm vụ: “phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hoá nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và thị trường trong và ngoài nước”.

Đại hội IX (tháng 4-2001) của Đảng đánh giá tổng quát 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1986-2000), 10 năm thực hiện Chiến lược kinh tế (1991-2000) và rút ra 4 bài học qua 15 năm đổi mới, khẳng định rõ hơn những quan điểm tiến bộ của Đảng trong định hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Quán triệt thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ năm đã ban hành các Nghị quyết quan trọng nhằm thúc đẩy mạnh mẽ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, trong đó có Nghị quyết 15, *về đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010*, đề ra nội dung tổng quát và mục tiêu của CNH, HĐH nông nghiệp “là quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thủy lợi hoá, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, đưa thiết bị, kỹ thuật và công nghệ

hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá trên thị trường”.

Những quan điểm mới của Đảng đã thể hiện rõ quá trình phát triển về nhận thức và tư duy lý luận, tạo ra những đột phá quan trọng về đổi mới nền kinh tế đất nước. Đó là quá trình đổi mới từng bước từ thấp đến cao, từ đổi mới bộ phận, đến đổi mới toàn diện trong tư duy kinh tế của Đảng, là cơ sở lý luận quan trọng giúp cấp uỷ các địa phương, hình thành các chủ trương, chính sách chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo đúng quy luật khách quan và phù hợp với điều kiện của mỗi tỉnh.

3.1.2. Những yêu cầu mới trong công tác lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ Thanh Hóa

Đứng trước những thách thức gay gắt, nhất là nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với nhiều tỉnh trong nước; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, tăng trưởng chậm và chưa vững chắc, sản xuất, đời sống còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; tốc độ tăng dân số tự nhiên cao; trình độ dân trí và cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém; cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và tư tưởng chủ quan, dễ thỏa mãn, ỷ lại còn khá phổ biến... cùng với những yêu cầu mới của đất nước, đặt ra nhiệm vụ mới cho Đảng bộ Thanh Hóa, cần phải nâng cao năng lực lãnh đạo, rà soát, quy hoạch và định hướng một CCKT nông nghiệp hợp lý với từng vùng sinh thái; đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo phát triển một nền nông nghiệp hài hoà và vững chắc.

Theo đó, mục đích, yêu cầu và nội dung chuyển dịch CCKT nông nghiệp trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đặt ra nhiều điểm khác trước, với những nhiệm vụ nặng nề hơn và toàn diện hơn.

3.2. CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG ĐẨY MẠNH CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC

3.2.1. Tăng cường lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh CNH, HĐH

3.2.1.1. Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá nhằm tạo nên những yếu tố quyết định trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, nhất là bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI, do xu hướng hội nhập ngày càng cao, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa xác định: “Đẩy mạnh chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH là đưa nhanh những thành tựu của công nghệ sinh học vào sản xuất, tăng nhanh năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi; bảo quản và chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, lấy hiệu quả và giá trị thu nhập, giá trị hàng hóa trên đơn vị diện tích và gắn sản xuất với thị trường

làm cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng, miền trong tỉnh nhằm đảm bảo an ninh lương thực, có lương thực hàng hóa, đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến”.

3.2.1.2. Chuyển dịch CCKT gắn với phát triển tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái nhằm phát triển đa dạng nền kinh tế, hướng tới phát triển nền nông nghiệp sinh học bền vững.

Đây là bước phát triển mới trong chủ trương của Đảng bộ, nhằm tạo ra sự phát triển cân đối, hài hòa, khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của các vùng, miền trong tỉnh, đồng thời quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái. Trong kế hoạch phát triển kinh tế vùng, Đảng bộ Thanh Hóa chủ trương ưu tiên và tập trung đầu tư phát triển các trung tâm, các vùng kinh tế động lực để tạo ra bước tăng trưởng nhanh, thu hút và hỗ trợ sự phát triển của vùng ở bước cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Chủ trương đổi mới quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất ngày càng phát triển; sắp xếp lại các doanh nghiệp và các HTX; đa dạng hóa về hình thức sở hữu và tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp.

Những chủ trương trên là cơ sở quan trọng để các cấp chính quyền chỉ đạo phát triển nền kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực.

3.2.2. Tăng cường công tác chỉ đạo, đảm bảo thực hiện thành công các chủ trương lớn của Đảng bộ đề ra

Triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, HĐND và UBND các cấp trong tỉnh thường xuyên quan tâm, đề ra nhiều chính sách và các biện pháp tăng cường chỉ đạo, kịp thời triển khai xây dựng các chương trình, đề án chuyển dịch CCKT nông nghiệp gắn với các chương trình KT-XH. Các chuyên đề gắn với chuyển dịch CCKT nông nghiệp, như: Quy hoạch vùng nguyên liệu cây công nghiệp, đổi mới HTX, đổi điền đồn thửa; các chính sách đặc thù cho các vùng kinh tế... được UBND tỉnh chuẩn bị chu đáo, được thông qua các kỳ họp của HĐND, trao đổi, quyết nghị dân chủ, tạo nên sự đồng thuận và tập trung cao trong quá trình điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp.

3.3. KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG ĐẨY MẠNH CNH, HĐH (1996-2005)

3.3.1. Chuyển dịch CCKT nông nghiệp, từng bước đa dạng hoá sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường

Trên cơ sở ứng dụng KH-CN, từng bước chuyển dịch CCKT nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, con nuôi và đã đạt được những thành tựu mang tính đột biến khá rõ rệt so với trước đây.

Cơ cấu mùa vụ chuyển dịch nhanh, cùng với chuyển dịch bộ giống mới, nên năng suất và sản lượng lương thực có tốc độ tăng nhanh và tăng

ổn định. Năm 2005/2000 tăng 21,64% (tăng 262.395 tấn), năm 2004 là năm đạt sản lượng lương thực cao nhất, đạt 1.571.770 tấn, vượt mức mục tiêu Đại hội XV đề ra vào năm 2005, không chỉ đảm bảo vững chắc an ninh lương thực mà còn có khoảng 500.000 tấn lương thực là hàng hóa và một phần đáng kể dành cho chăn nuôi.

Chăn nuôi ở Thanh Hóa đã dần chuyển dịch phù hợp với yêu cầu của thị trường. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2005 chiếm 27,1%, tăng 9,8% so với năm 2000, làm cho công nghiệp chế biến có xu hướng tăng lên.

Kinh tế biển, được quan tâm đầu tư và chuyển dịch đúng hướng, tạo nên sự chuyển biến cả về đánh bắt, nuôi trồng, dịch vụ hậu cần và chế biến. Sản lượng thủy sản của Thanh Hóa liên tục tăng hàng năm, năm 2005 đạt 73.544 tấn, tăng 41.496 tấn, tăng 2,26 lần so với năm 1995. Đặc biệt là sản lượng tôm, mặt hàng có giá trị kinh tế cao tăng mạnh. Tỷ trọng trong CCKT nông, lâm, thủy sản từ 9,2% năm 2000, lên 12% năm 2005. Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 26 triệu USD (trong đó xuất khẩu chính ngạch 12 triệu) tăng gấp 4 lần so với năm 1996.

Nghề rừng được tổ chức lại và phát triển theo hướng lâm nghiệp xã hội, đã góp phần phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho hàng vạn hộ nông dân ở các huyện miền núi.

Giá trị nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân trong 10 năm là 4,5%/năm. CCKT nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ, giảm tỷ trọng trồng trọt; phát huy lợi thế của các vùng, gắn với sản xuất hàng hoá, tạo ra đa dạng các sản phẩm nông nghiệp đáp ứng thị trường và yêu cầu chế biến.

3.3.2. Chuyển dịch CCKT nông nghiệp hướng vào khai thác lợi thế so sánh của từng vùng sinh thái, xử lý tốt các mối quan hệ trong sản xuất

Quá trình chuyển dịch CCKT đã tạo ra khả năng khai thác tích cực các lợi thế so sánh trong tỉnh và của từng vùng sinh thái. Nhờ xử lý tốt các mối quan hệ trong sản xuất, trong quản lý đất đai và tổ chức sản xuất, từ 1996-2005 Thanh Hóa đã hình thành rõ nét các vùng sản xuất tập trung, khai thác mạnh lợi thế của từng vùng, hình thành *vùng lúa cao sản tập trung* ở 8 huyện đồng bằng, cho năng suất và sản lượng cao nhất so với các vùng khác; chuyển dịch hàng chục ngàn ha đồi, vườn tạp, cây lương thực hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm, tạo nên các *vùng mía đường, vùng cây công nghiệp ngắn và dài ngày phục vụ các nhà máy chế biến*. Đây là những mô hình liên minh công - nông chặt chẽ, sự liên kết hài hòa của bốn nhà: nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông cùng chung lo xây dựng những vùng nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, phát triển bền vững. Quá trình chuyển dịch CCKT

nông nghiệp của tỉnh đã hình thành các vùng nông nghiệp sinh thái khá rõ nét, luôn phát huy được lợi thế và đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã đưa nền kinh tế nông nghiệp trong tỉnh từ một nền nông nghiệp độc canh, chỉ chú trọng sản xuất lương thực phục vụ đời sống nhân dân là chủ yếu, sang một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, với cơ cấu các ngành trong nông nghiệp được chuyển dịch ngày càng theo hướng tích cực (*xem Bảng 3.1*).

Bảng 3.1: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Thanh Hóa Từ năm 1995 - 2005 (giá cố định năm 1994)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1995	2000	2005	% 2005 /1995
1. Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.616,7	3.620	4.621,36	176,61
- Trồng trọt	“	2.071,8	2.841,5	3.276,54	158,14
- Chăn nuôi	“	566,2	692,1	1.252,38	221,19
- Dịch vụ nông nghiệp	“	23,7	86,4	91,66	386,75
2. Cơ cấu giá trị SX	“	100	100	100	
- Trồng trọt	“	77,8	78,5	70,90	91,13
- Chăn nuôi	“	21,3	19,1	27,1	127,23
- Dịch vụ nông nghiệp	“	0,9	2,4	1,99	211,11

Nguồn: Cục Thống kê Thanh Hóa

3.3.3 Những hạn chế cơ bản trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (1996 - 2005)

So với yêu cầu và tiềm năng, thì CCKT nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa chuyển dịch còn chậm. Trong nông nghiệp, ngành trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chăn nuôi và dịch vụ tăng chậm. Tình trạng mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi còn khá lớn, tiềm năng đất đai, lao động và điều kiện sinh thái ở từng vùng chưa được khai thác có hiệu quả. Giá trị sản xuất lương thực trong cơ cấu trồng trọt còn chiếm tỷ trọng lớn. Sản xuất, chế biến, tiêu thụ vẫn còn nhiều bất cập, mô hình kinh tế trang trại chưa được phát huy, một số mô hình làm ăn có hiệu quả chậm được nhân rộng.

Chương 4

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG BỘ THANH HÓA TRONG LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ 1986 ĐẾN 2005

4.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HOÁ TỪ 1986 ĐẾN 2005

4.1.1. Chủ trương chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn

4.1.1.1. *Nền kinh tế nông nghiệp Thanh Hóa được chuyển dịch theo hướng tích cực, năng suất lao động ngày càng tăng, hiệu quả kinh tế ngày càng cao (xem Bảng 4.1). Cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa và luôn giữ mức tăng trưởng ổn định; quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã hình thành các vùng lãnh thổ nông nghiệp và vùng sản xuất chuyên canh rõ rệt:*

Bảng 4.1. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp qua các thời kỳ

Chỉ tiêu	Bình quân năm - Thời kỳ			
	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005
Cơ cấu giá trị SXNN (Theo GT thực tế %)	100,0	100,0	100,0	100,0
Trồng trọt	73,20	68,36	79,1	76,01
Chăn nuôi	20,58	17,66	19,4	22,02
Dịch vụ nông nghiệp	6,22	13,18	1,5	1,97

Nguồn: Tổng hợp theo Niên giám Thống kê các thời kỳ của Thanh Hóa.

4.1.1.2. *Nông nghiệp phát triển, thúc đẩy các ngành KT-XH phát triển.*

Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng đã ảnh hưởng tích cực đến nền KT-XH của tỉnh. *Cơ cấu toàn nền kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.* Trong đó, công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến phát triển mạnh, làm cho tốc độ và tỷ trọng công nghiệp ngày càng tăng. Theo đó, là sự phát triển của các ngành dịch vụ. Nhiều loại hình hợp tác và HTX; các trang trại tập trung, nhất là trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, trang trại kết hợp nông - lâm - thủy sản, trang trại lâm nghiệp... hình thành và phát triển nhanh.

Chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã góp phần quan trọng trong quá trình hình thành bốn vùng kinh tế động lực của tỉnh: Thanh Hoá - Sầm Sơn; Nghi Sơn; Bỉm Sơn - Thạch Thành; Lam Sơn - Nông Cống, với những cụm công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, tạo ra gần 90% giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, kéo theo sự phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, làm thay đổi mạnh mẽ CCKT của tỉnh (xem Bảng 4.2). Nhờ vậy, đã thúc đẩy quá trình chuyển nền kinh tế tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN.

Bảng 4.2. Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế Thanh Hóa (tỷ lệ %)

	1986	1990	1995	2000	2005
Nông nghiệp	57,9	51,6	46	39,9	31,6
CN - XD	21,1	17,8	20,1	26,4	35,1
Dịch vụ	23,0	30,6	33,9	33,7	33,3

Nguồn: Cục Thống kê Thanh Hóa

Nguyên nhân thành công:

Nhờ có đường lối đổi mới của Đảng; sự đoàn kết thống nhất của Đảng bộ đã hình thành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách và giải pháp đúng đắn, sáng tạo, kịp thời và phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Tính sáng tạo được thể hiện qua các Nghị quyết phù hợp với từng giai đoạn, từng ngành, từng vùng kinh tế, tạo ra những điểm nút bứt phá trong giải quyết vấn đề lương thực (giai đoạn 1986-1990); trong đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý kinh tế (1988-1995); trong tập trung cao độ cho xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng (1994-2000), đẩy mạnh CNH đi đôi với tiếp tục đầu tư thích đáng cho phát triển kết cấu hạ tầng (1998-2005); trong xây dựng các mô hình; hỗ trợ liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, nhà máy với ruộng đồng; xoá đói giảm nghèo; khai thác triệt để thế mạnh của từng vùng sinh thái; đặc biệt là trong chính sách về vốn và công nghệ... là cơ sở quan trọng để chuyển dịch CCKT nông nghiệp đúng hướng.

4.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân cơ bản trong lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (1986-2005)

4.1.2.1. Những hạn chế chủ yếu:

- Việc quán triệt chủ trương của Đảng về chuyển dịch CCKT nông nghiệp có lúc chưa kịp thời. Chủ trương và chính sách của Đảng bộ ở một số giai đoạn còn nhiều yếu tố bất cập, thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển; nhiều cấp ủy và đảng viên thực hiện chủ trương của Đảng bộ chưa nghiêm túc, thiếu sự gắn bó chặt chẽ với các ngành kinh tế trong tỉnh, làm cho tốc độ chuyển dịch CCKT chậm, không đồng đều giữa các vùng sinh thái, vùng lãnh thổ. Công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. CCKT nông nghiệp còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu bền vững; chất lượng và khả năng cạnh tranh của một số mặt hàng nông sản còn thấp. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp đổi mới chậm, nhiều vấn đề bức xúc phát sinh trong thực tiễn chậm được giải quyết, các mô hình tiên tiến chậm được nhân rộng.

4.1.2.2. Nguyên nhân yếu kém.

Về khách quan, là do điểm xuất phát kinh tế thấp, những hậu quả sau chiến tranh và những sai lầm chủ quan, duy ý chí từ tầm vĩ mô trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp duy trì quá lâu và khá nặng nề.

Về chủ quan, năng lực lãnh đạo của cấp ủy còn nhiều điểm hạn chế. Tư tưởng phong kiến bảo thủ, tự ti, ngại thay đổi tập quán sản xuất, thiếu kiến thức kinh doanh, thiếu tinh thần hợp tác, phong cách lãnh đạo hành chính, quan liêu vẫn còn tồn tại khá dài trong một bộ phận cán bộ đảng viên. Một số quyết định của Đảng bộ chưa sát với thực tế; chế độ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức trong ngành nông nghiệp còn

thấp... làm cho môi trường đầu tư phát triển trong nông nghiệp kém hấp dẫn, hạn chế quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp của địa phương.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM LỊCH SỬ TRONG LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CCKT NÔNG NGHIỆP CỦA ĐẢNG BỘ THANH HÓA

4.2.1. Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

4.2.2. Tăng cường công tác tư tưởng, phát huy vai trò của cấp ủy và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

4.2.3. Phát huy dân chủ cơ sở và sức mạnh đoàn kết của toàn dân, tạo nên sự đồng thuận trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

4.2.4. Phát huy năng lực của các thành phần kinh tế phục vụ nông nghiệp, thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

4.2.5. Đẩy mạnh hoạt động KH-CN, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, xây dựng mạng lưới khuyến nông đủ năng lực và điều kiện, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH.

4.2.6. Phát huy nội lực, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, góp phần chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH.

4.3. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CỦA ĐẢNG BỘ THANH HÓA LÃNH ĐẠO CHUYỂN DỊCH CCKT NÔNG NGHIỆP, HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG NỀN NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch các vùng kinh tế nông nghiệp của tỉnh, gắn với quy hoạch trong phạm vi của khu vực và cả nước.

- Tiếp tục rà soát, tổng kết kinh nghiệm, định hướng CCKT nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường.

- Tăng cường các biện pháp khuyến khích, đẩy mạnh hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp dân doanh tham gia các hoạt động nông nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô, đề ra các chủ trương sát đúng với tình hình cụ thể của địa phương, nhằm nâng cao năng lực nội sinh, tiếp tục chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH.

- Tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp như tích tụ ruộng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong quá trình CNH và đô thị hóa...

KẾT LUẬN

Trong 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với cả nước, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá đã tập trung trí tuệ, tìm ra nhiều giải pháp lãnh đạo phát triển KT-XH, chuyển dịch CCKT theo hướng sản xuất hàng hoá, định hướng XHCN. Nông nghiệp Thanh Hóa từ trạng thái độc canh, manh mún, tự cấp, tự túc, đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá trên cơ sở tập trung,

chuyên canh, ứng dụng công nghệ tiến bộ, năng suất và hiệu quả ngày càng cao. Cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi từng bước được chuyển dịch phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

1. Kết quả lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp ở Thanh Hoá đã tạo ra cho Đảng bộ những nhận thức căn bản, đầy đủ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; về vị trí, vai trò và tầm quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn. Hàng loạt quan điểm đổi mới của Đảng cả về lý luận và thực tiễn về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; về chuyển dịch CCKT nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, thị trường và xây dựng nông thôn mới; về phát triển nông nghiệp nhiều thành phần kinh tế; về kinh tế trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tư nhân; phát huy lợi thế từng vùng; vai trò của KH-CN; đổi mới HTX, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước; tăng đầu tư cho nông nghiệp; mở rộng quyền của người sử dụng đất, thừa nhận đất có giá; hướng tới một nền nông nghiệp sinh thái, phát triển bền vững và hài hòa... được các cấp ủy và đảng viên trong Đảng bộ nhận thức tiến bộ hơn.

Thông qua quá trình lãnh đạo và chỉ đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp, các cấp ủy và chính quyền địa phương được rèn luyện, vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, bám sát thực tiễn, từng bước xóa bỏ tư duy cũ, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Những kết quả đạt được, thể hiện rõ tính đúng đắn trong các chủ trương của Đảng bộ; đồng thời, là thực tiễn sinh động minh chứng sự đúng đắn trong đường lối đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế của Đảng.

2. Quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ Thanh Hóa đã đạt được những kết quả quan trọng. CCKT nông nghiệp trong tỉnh được thay đổi căn bản, tỷ trọng giá trị sản xuất của mỗi ngành nông, lâm, ngư nghiệp đều được chuyển dịch theo hướng tích cực. Trong tổng thể CCKT quốc dân của tỉnh, tỷ trọng nông nghiệp ngày càng giảm dần do quá trình chuyển đổi đất nông nghiệp phục vụ CNH và đô thị hóa; đồng thời do tốc độ phát triển nhanh hơn của các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - đây là sự chuyển dịch tích cực trong chuyển dịch CCKT quốc dân. Đối với CCKT trong nội bộ ngành nông nghiệp, trồng trọt có xu hướng giảm dần do quá trình chuyển đổi đất đai có năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản hoặc mở rộng trang trại chăn nuôi, trồng cây lâm nghiệp; tỷ trọng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ có xu hướng tăng lên - đây cũng là chuyển biến tích cực trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp. Trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, có giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh lớn như mía đường, lúa gạo, tôm cá... Cơ cấu

cây trồng có sự chuyển biến theo hướng thâm canh và đa dạng hoá. Nhờ đó, vừa đảm bảo vững chắc một số nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm và nhiều loại hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu. An ninh lương thực trong tỉnh luôn được ổn định. Mỗi năm, có hơn 50 vạn tấn lương thực hàng hóa, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên.

3. Trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của mỗi vùng sinh thái, Đảng bộ Thanh Hoá thường xuyên chú trọng công tác quy hoạch, mở rộng diện tích, xây dựng các trang trại tập trung, tăng cường các loại hình sản xuất gắn với công nghiệp chế biến và thị trường.

Trong trồng trọt, đã chuyển những diện tích trồng lúa có năng suất thấp sang nuôi trồng các loại sản phẩm cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn; trong cơ cấu trồng trọt đã giảm dần diện tích trồng lúa, tăng dần diện tích trồng các loại cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh hàng hóa rõ rệt, như vùng lúa cao sản; vùng mía đường, vùng dứa, vùng sắn, vùng cói, vùng lạc... Nhờ đó, cơ cấu giống cây trồng, cơ cấu mùa vụ được thay đổi đáp ứng với yêu cầu của sản xuất và phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất và nguyện vọng của nông dân.

Trong chăn nuôi, cơ cấu đàn gia súc, gia cầm cũng được chú trọng, các chủ trương chính sách của Đảng bộ thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng thời kỳ, đã tác động trực tiếp và mạnh mẽ tới sự thay đổi cơ cấu giống và đàn gia súc theo hướng tăng số lượng và tỷ trọng gia súc nuôi lấy thịt, sữa, giảm tỷ trọng gia súc nuôi lấy sức kéo. Nhờ áp dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, đặc biệt đẩy nhanh chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp gắn với thị trường và chế biến nên tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp đã tăng dần hàng năm.

Trong sản xuất lâm nghiệp, được Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá chủ trương chuyển hướng từ lâm nghiệp Nhà nước sang lâm nghiệp xã hội với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Đặc biệt, hướng vào công tác bảo vệ, tu bổ và xây dựng vốn rừng, từng bước khắc phục tình trạng chỉ khai thác rừng mà không quan tâm tới các hoạt động trồng và chăm sóc rừng.

Đối với ngành thủy sản, Đảng bộ đã ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp với nguyện vọng của nông dân, công tác quy hoạch đồng triều được chú trọng, nên đã phát triển nhiều mô hình hiệu quả với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Cơ cấu nội bộ ngành thủy sản đã được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng, giảm tỷ trọng đánh bắt, trong đánh bắt, đã hướng ra đánh bắt xa bờ và giảm dần đánh bắt ven bờ. Các sản phẩm thủy sản từng bước chiếm ưu thế lớn trong các sản phẩm xuất

khẩu của tỉnh, tạo ra nhiều việc làm cho nông dân và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với ngành trồng trọt.

Chuyển dịch CCKT nông nghiệp dựa trên KH-CN, hiệu quả và sức cạnh tranh đã được Đảng bộ quan tâm, coi đây là yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao năng suất lao động, tạo ra chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị sản xuất trong nông nghiệp.

Dịch vụ nông nghiệp (bao gồm cả dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ xã hội) ngày càng phát triển, góp phần quan trọng trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp của tỉnh. Đây là yếu tố thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi CCKT nông nghiệp, gắn liền với công bằng xã hội, nâng cao mức sống của nông dân và rút ngắn sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị. Thông qua các hoạt động dịch vụ, các chủ trương, chính sách khuyến khích nông dân thoát nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng của Đảng bộ được hình thành và từng bước được bổ sung có hiệu quả.

4. Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn bộc lộ một số mặt yếu kém, khuyết điểm. Đánh giá tổng quát của Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (tháng 12-2005) đã chỉ rõ: "Chuyển dịch CCKT còn chậm, chất lượng tăng trưởng, khả năng hội nhập và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp; chưa thật sự phát huy, khai thác được thế mạnh của các vùng, miền để phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế nông nghiệp".

Yếu kém trước hết, là tư duy đổi mới của cấp uỷ và đảng viên còn chậm, còn thiếu sự thống nhất về nhận thức trong các định hướng chuyển dịch CCKT, nhất là trong nông nghiệp; tính bảo thủ, tư tưởng trông chờ ỷ lại kéo dài và còn phổ biến; một số chủ trương, chính sách chưa hợp lòng dân; một số chủ trương chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi chưa phù hợp với từng giai đoạn, từng vùng và từng địa phương, nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung.

Công tác tư tưởng chưa được giải quyết kịp thời, nhiều vấn đề lý luận trong chuyển dịch CCKT nông nghiệp chậm được giải đáp, làm cho quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp diễn ra còn lúng túng, không đồng đều trong các địa phương của tỉnh. Cơ cấu mùa vụ tuy được thay đổi, nhưng chủ yếu chỉ ở một số vùng có điều kiện thâm canh thuận lợi, còn nhiều vùng điều kiện tự nhiên khó khăn, địa hình phức tạp, thiếu nguồn nước, những vùng bãi ngang, vùng đồi núi vẫn còn sản xuất theo tập quán cũ và dựa vào khai thác tự nhiên là chính.

Chuyển dịch CCKT nông nghiệp ở Thanh Hoá tuy có nhiều điểm bứt phá, nhưng so với nhiều tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ thì tốc độ chuyển dịch còn chậm. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng vẫn còn mang tính tự cấp, tự túc, phân tán, quy mô nhỏ, một số mô hình phát triển tự phát, không xuất phát từ chủ trương của Đảng bộ tỉnh. Tính dự báo, tính khả

thi trong các chủ trương của Đảng bộ chưa cao. Không ít chương trình, dự án không mang lại hiệu quả cả về lý luận và thực tiễn. Quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp và nông thôn vẫn mang nhiều yếu tố tự phát, chưa có quy hoạch rõ ràng và còn thiếu tính bền vững.

Qua thực tiễn lãnh đạo và chỉ đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp, Đảng bộ Thanh Hóa đã đúc kết được những kinh nghiệm quý báu, những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, tiếp tục định hướng xây dựng một nền kinh tế nông nghiệp phát triển với cơ cấu ngày càng hợp lý hơn. Trong đó, chú trọng chuyển dịch CCKT gắn liền với phát triển bền vững. Một mặt, duy trì tốc độ tăng trưởng toàn diện của từng ngành, từng vùng, từng thành phần kinh tế để vừa đảm bảo cân đối về cơ cấu, vừa giữ vững an ninh lương thực, ổn định đời sống của nông dân, nông thôn. Mặt khác, bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên môi trường, đây là nhân tố cơ bản, lâu dài để đảm bảo phát triển nền kinh tế nông nghiệp bền vững.

Những nét nổi bật trong bức tranh kinh tế nông nghiệp Thanh Hóa sau 20 năm đổi mới là sự phản ánh khách quan kết quả quá trình thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp đầy gian khó của Đảng bộ tỉnh. Những thành tựu bước đầu cũng như những yếu kém, hạn chế trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ Thanh Hóa đã thể hiện rõ nét đặc thù của một tỉnh đất rộng, người đông, có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn, đã biết đoàn kết vươn lên hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. Thành công của Đảng bộ Thanh Hoá đã góp phần phản ánh những vấn đề chung trong lãnh đạo chuyển dịch CCKT của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Mặc dù rất cố gắng, nhưng công trình nghiên cứu chỉ mới phản ánh được một số vấn đề chủ yếu trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá từ 1986-2005. Còn nhiều nội dung và còn nhiều vấn đề mới mẻ cả trong lý luận và thực tiễn đặt ra cho các cấp uỷ cần phải tiếp tục được nghiên cứu, tìm tòi và sáng tạo hơn. Hy vọng rằng, những kết quả mà công trình mang lại sẽ đóng góp một phần nhất định cho Đảng bộ Thanh Hoá, làm tài liệu tham khảo trong quá trình tiếp tục lãnh đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp trong thời gian tiếp theo.